

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2026/DS - ST

Ngày 14/4/2026

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ksor H’Đuen

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Nam Định

2. Bà Phan Thị Nhân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quân Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Gia Lai.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2025/TLST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1991 và ông Đinh Xuân L

Địa chỉ: Thôn B, xã I, tỉnh Gia Lai. ông L vắng mặt, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Do có quen biết nên bà có cho bà Đỗ Thị D và ông Đinh Xuân L vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Cuối năm 2018 đầu năm 2019 cho bà D và ông L vay 100.000.000 đồng, ngày 23/6/2019 cho vay 150.000.000 đồng, ngày 07/11/2019 cho vay 150.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc bà đã cho bà D ông L vay là 400.000.000 đồng.

Sau lần vay cuối cùng hai bên thỏa thuận tháng 12 năm 2019 bên vay phải trả hết số tiền nợ một lần nhưng đến ngày hẹn bà D và ông L không trả, từ đó bà đã nhiều lần đòi nhưng bà D và ông L không trả và liên tục chuyển nơi ở bà đã mất nhiều thời gian đi tìm bà D và ông L. Bà khởi kiện bà D và ông L yêu cầu trả số tiền gốc 400.000.000 đồng và số tiền lãi là 420.000.000 đồng.

Hiện nay bà D và ông L không còn chung sống với nhau nữa. Bà đã nhiều lần đến tỉnh Bình Định cũ để tìm ông Đinh Xuân L, bà xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Đinh Xuân L. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, bà D chỉ chấp nhận nợ bà số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, bà đồng ý với ý kiến bà D nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả ngay số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Sau khi Tòa án giải quyết xong nếu bà D vẫn không trả thì yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 12/01/2026 bị đơn bà Đỗ Thị D trình bày:

Bà và ông Đinh Xuân L chung sống với nhau không đăng ký kết hôn. Khoảng năm 2019 bà và ông L chuyển đến sinh sống tại thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk, vợ chồng thuê một căn nhà để buôn bán ga và đồ điện. Trong thời gian này có quen bà T, bà T thấy vợ chồng bà làm ăn được nên bà T cho mượn tiền 150.000.000 đồng, từ khi vay tháng nào vợ chồng bà cũng trả tiền lãi cho bà T 10.000.000 đồng. Số tiền vay của bà T bà và ông L mua 1 chiếc xe tải và 01 xe máy hiệu yamaha. Đến cuối năm 2019 vợ chồng bà chuyển về quê ông L sinh sống và vẫn gửi tiền lãi cho bà T, đến giữa năm 2020 bà T có chuyển thêm cho ông L vay 150.000.000 đồng qua tài khoản của Đinh Xuân T1 là anh trai của ông L. Vậy là tổng cộng số tiền vay của bà T là 300.000.000 đồng, từ đó vợ chồng trả tiền lãi hàng tháng cho bà T là 20.000.000 đồng, số tiền mới vay của bà T vợ chồng mua một xe ô tô 07 chỗ hiệu Kia Honda. Đến cuối năm 2020 bà và ông L phát sinh mâu thuẫn bà bỏ đi không còn chung sống với ông L nữa từ đó cũng không có khả năng trả lãi cho bà T nữa. Bà bỏ đi cũng không mang theo tài sản gì, tài sản chung của bà và ông L gồm 01 xe tải 01 xe ô tô 07 chỗ và 01 xe máy đều để lại cho ông L sử dụng nên ông L phải có trách nhiệm trả nợ. Giờ bà T khởi kiện bà chấp nhận trả cho bà T 150.000.000 đồng tiền nợ gốc và xin trả dần trong 21 tháng chia làm 3 lần mỗi lần 50.000.000 đồng. Do bà đi làm xa nên không thể đến Tòa án, bà xin vắng mặt tại các phiên làm việc của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn Đỗ Thị D có địa chỉ tại thôn B, xã I, tỉnh Gia Lai nên quan hệ tranh chấp thuộc loại việc quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đỗ Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1] *Về nội dung:* Theo bà T trình bày trong năm 2018 và 2019 do có quen biết nên bà T có cho bà Đỗ Thị D và ông Đinh Xuân L vay tiền 3 lần, tổng cộng là 400.000.000 đồng, không viết giấy nợ.

Trong quá trình giải quyết bà D thừa nhận bà D và ông L vay tiền của bà T 2 lần mỗi lần 150.000.000đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng, từ khi vay có trả tiền lãi đầy đủ hàng tháng. Đến cuối năm 2020 bà D và ông L phát sinh mâu thuẫn bà D bỏ đi không còn chung sống với ông L nữa từ đó không có khả năng trả lãi cho bà T. Đối với yêu cầu khởi kiện của T, bà D chấp nhận trả cho bà T số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại do ông L chịu trách nhiệm trả. Như vậy có căn cứ xác định giữa bà T với bà D và ông L có xác lập hợp đồng vay tiền, thỏa thuận bằng miệng không lập văn bản.

Trong quá trình Tòa án giải quyết bà T đồng ý với ý kiến của bà D, yêu cầu bà D phải trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng một lần cho bà T và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, cần buộc bà D phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng.

[2.2] Về phương thức trả nợ: Bà T yêu cầu bà D phải trả đủ số tiền vay một lần là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự. Bà D đề nghị được trả dần theo phương thức bà D đã trình bày là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Nguyên đơn bà Trần Thị T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Đinh Xuân L. Nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đối với ông Đinh Xuân L, bà T có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự: Yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên bị đơn bà Đỗ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 147, 217, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết .

+ Buộc bà Đỗ Thị D phải trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được quy định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với bị đơn ông Đinh Xuân L, bà T có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Đỗ Thị D phải nộp số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003305 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/4/2026) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án, bị đơn bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV 12;
- Phòng THADS KV 12;
- GĐKT Toà án tỉnh ;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ksor H'Duen